



Cần một cuộc cách mạng thực sự như "Khoán 10" trong khoa học nông nghiệp, nông thôn

● Thanh Hiền

NHẪM GÓP PHẦN XÂY DỰNG ĐỀ ÁN TIẾP TỤC ĐỔI MỚI CĂN BẢN, TOÀN DIỆN CƠ CHẾ QUẢN LÝ VÀ CHÍNH SÁCH TRONG HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC & CÔNG NGHỆ (KH&CN) THEO QUYẾT ĐỊNH CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ, BỘ TRƯỞNG BỘ KH&CN - NGUYỄN QUÂN ĐÃ CHỦ TRÌ TOẠ ĐÀM "ĐỔI MỚI CƠ CHẾ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH VÀ CHÍNH SÁCH ĐÃI NGỘ CÁN BỘ KHOA HỌC TRONG NÔNG NGHIỆP VÀ NÔNG THÔN" VỚI SỰ THAM GIA CỦA NHIỀU NHÀ KHOA HỌC VÀ QUẢN LÝ.

Sau hơn 20 năm đổi mới, sản xuất nông nghiệp Việt Nam đã có những bước phát triển vượt bậc (với mức tăng trưởng cao từ 4 - 5%). Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng của khu vực này trong nền kinh tế đang có dấu hiệu chững lại và suy giảm (năm 2008 tăng trưởng GDP của ngành là 4,7% nhưng đến năm 2010 chỉ còn 2,8%). Ngoài những nguyên nhân khách quan như nước tưới, đất đai, lao động, vật tư... đã tới hạn, một nguyên nhân cơ bản là yếu kém về trình độ khoa học công nghệ. Theo đánh giá hiện nay, trong khi nhu cầu đổi mới công nghệ kỹ thuật vào nông nghiệp từ phía người dân là vô cùng lớn thì phía đáp ứng từ các nhà khoa học vẫn còn hạn chế.

Nguyên nhân của vấn đề này từ lâu đã được các nhà khoa học nói đến là bất cập trong cơ chế tài chính và chính sách đãi ngộ cán bộ trong nghiên cứu khoa học.

CƠ CHẾ BẤT CẬP KÉO DÀI

Trong khi chờ Quyết định 846 của Thủ tướng Chính phủ ban hành mới đây về việc đặt hàng một số sản phẩm khoa học của Bộ Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn được triển khai vào thực tế, giới khoa học hiện vẫn phải tiếp tục chung sống với cơ chế tài chính theo phương thức thực thu, thực chi theo hoá đơn mà từ lâu nay đã chịu rất nhiều than phiền từ các nhà nghiên cứu lẫn các nhà quản lý. Bà Nguyễn Thị Xuân Thu - Thứ trưởng Bộ NN&PTNT cho biết,

nhược điểm của chính sách hiện hành là rất nhiều chi phí đầu vào trong nghiên cứu nông nghiệp (ví dụ mua nguyên liệu đầu vào ở chợ, thuê tàu bè đi biển...) không thể có hoá đơn chứng từ nhưng thực tế thanh toán đòi hỏi phải có hoá đơn đầu đủ, xác nhận. Hơn nữa, hiện tượng trượt giá xảy ra khá thường xuyên nhưng việc bổ sung kinh phí gặp rất nhiều khó khăn và mất nhiều thời gian.

Theo thực tế này dẫn tới nạn cán bộ thà "tự hoàn chỉnh" bộ hồ sơ sao cho thanh toán gọn nhẹ còn hơn là làm đúng từng khoản chi, sau đó xin điều chỉnh. Ngoài ra nếu các khoản tiết kiệm được phải nộp lại cho ngân sách nhà nước mà không được giữ lại đã triệt tiêu động lực tiết kiệm của các cán bộ, vừa tạo động cơ cho việc "hợp pháp hoá chứng từ". Ông Nguyễn Quốc Vọng đến từ Đại học Nông nghiệp cho rằng, đầu vào của các đề tài bị thắt chặt và chịu quá nhiều ràng buộc, trong khi đó quản lý đầu ra rất lỏng lẻo nên kết quả là nhiều công trình làm xong bỏ đó vì không có tính ứng dụng.

Ở một góc nhìn khác, đại biểu Triệu Văn Hùng, Vụ trưởng Vụ Khoa học - Công nghệ & Môi trường (Bộ NN&PTNT) cho biết, hiện nay các nhà quản lý, thay vì tập trung vào nhiệm vụ chính là hoạch định chính sách và điều tiết ở cấp vĩ mô, lại tích cực tham gia ở các công việc cụ thể (tìm kiếm dự án, thành lập hội đồng...). Sự chênh lệch vai trò này dẫn tới hai hệ quả: Thứ nhất, nhiều chương trình đề tài nghiên cứu không phải do chuyên gia triển khai nên đã bỏ qua yêu cầu thực tiễn của đời sống kinh tế, xã hội; Việc lựa chọn chủ nhiệm đề tài, thành phần hội đồng khoa học...

không đảm bảo chất lượng tối ưu. Thứ hai, với một quỹ thời gian cố định thì việc tập trung vào những công tác phụ đương nhiên sẽ làm phân tán thời gian dành cho nội dung chính. Thực tế này có lẽ phần nào lý giải nguyên nhân các văn bản chính sách, do không được đầu tư đầy đủ về thời gian công sức, nên nếu không thiếu sót thì cũng chông chéo và mâu thuẫn khi triển khai đồng loạt.

Liên quan tới một vấn đề cũng tại chính sách vĩ mô là việc lồng ghép viện nghiên cứu - công ty kinh doanh, PGS.TS Nguyễn Văn Hoan - Viện trưởng Viện Nghiên cứu Lúa - Đại học Nông nghiệp 1, từ kinh nghiệm cá nhân nhận xét mô hình việc thành lập công ty trong viện mà Việt Nam đang chủ trương tiến hành là đi ngược với



thế giới. Đơn cử, trường hợp Nhật Bản - mô hình trung tâm nghiên cứu thuộc các nhà máy/công ty lớn đã giúp những cán bộ khoa học kỹ thuật nước này nắm bắt kịp thời và chính xác nhu cầu thị trường, từ đó có hướng đi thực tế cho các công trình của mình.

CON NGƯỜI THỤ ĐỘNG

Trong khi các nhà khoa học phê phán bất cập trong cơ chế, ở chiều ngược lại, các nhà quản lý lại chỉ ra sự thụ động của giới

khoa học. Đáp lại nhiều ý kiến cho rằng chính sách của Bộ Tài chính còn nhiều bó buộc và gây không ít cản trở cho nông nghiệp, ông Lại Văn Dương - Bộ Tài chính cho rằng hiện nay các văn bản luật đã rất thông thoáng. Đề tài xong lúc nào, quyết toán lúc đó. Cũng không có việc Nhà nước bắt các tổ chức khoa học công nghệ phải nộp lại khoản tiền tiết kiệm được. Theo ông Dương, cơ chế đã mở kể từ khi Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định 846, nhưng các nhà khoa học không tận dụng tối đa cơ chế đó.

Sự thụ động của các nhà khoa học và các viện nghiên cứu xuất phát trước hết từ thói quen được bao cấp lâu nay. Tâm lý ỷ nại, cầm tay chỉ việc dường như vẫn còn bám rễ trong tâm thức những cán bộ khoa học hiện đại.

Hầu hết ai cũng e ngại việc rời xa cơ chế quen thuộc. Ít người dám dứt khoát bắt tay thực thi, thử nghiệm những chính sách mới ban hành. Theo Bộ trưởng Nguyễn Quân, mặc dù Nghị định 115 tạo điều kiện mở rộng phạm vi điều hành của viện trưởng, nhưng không ít người do sợ trách nhiệm đã không sử dụng quyền hạn pháp quy, dẫn đến tình trạng công việc giậm chân tại chỗ. Có lẽ đối

với một bộ phận không nhỏ những người làm nghiên cứu, làm sao để duy trì đều đều sự sống (dù trong tình trạng thoái thác) quan trọng hơn nhiều so với việc đẩy mạnh sự nghiệp khoa học và cải tiến kết quả nghiên cứu. Theo TS Đặng Kim Sơn - Viện trưởng Viện Chính sách chiến lược nông nghiệp, nông thôn thì tình trạng này tương tự như nạn trì trệ của các HTX thời kỳ bao cấp trước đây. "Chúng ta cần thực sự có một cuộc cách mạng tương tự

như khoán 10 cho khoa học trong nông nghiệp” – ông nhận xét.

Theo ông Triệu Văn Hùng, các tổng công ty nhà nước – đơn vị trụ cột của nền kinh tế, lâu nay không mặn mà với các hoạt động nghiên cứu đổi mới công nghệ. Các tổng công ty này đều có viện nghiên cứu của mình (mía đường, cao su, chè, café...), nhưng thay vì hoạt động hết công suất với nguồn vốn lớn (một cách tương đối so với các doanh nghiệp tư nhân), các viện này đa phần đều muốn xin về bộ nhằm hưởng bao cấp. Mục đích của việc này là tạo điều kiện để nhân viên vừa hưởng lương biên chế, lại đủ rảnh rỗi để thỉnh thoảng vẫn có thể kiếm việc làm thêm bên ngoài. Trong khi hạn chế của các doanh nghiệp nông nghiệp tư nhân vốn năng động nhưng lại bế tắc trong việc phát triển khoa học công nghệ do thiếu vốn, thì việc các tổng công ty nhà nước với bầu sữa ngân sách dồi dào lại không thực sự quan tâm tới việc đổi mới KHCN thật đáng đặt câu hỏi.

Mặt khác, tình trạng “cầm tay chỉ việc” không chỉ tồn tại trong giới khoa học, mà còn ở những cấp quản lý hành chính cơ sở, dẫn tới bế tắc trong việc tổ chức thực thi chính sách nhà nước phục vụ đổi mới trong quản lý khoa học công nghệ. Việc áp dụng rập khuôn máy móc những quy chế cũ mà không chịu cập nhật dẫn tới tình trạng khóc dở, mếu dở. Ví dụ, các tổ chức khoa học công nghệ khi được chuyển đổi thành tổ chức kinh doanh thì được hưởng ưu đãi miễn giảm thuế như doanh nghiệp mới thành lập, thế nhưng đến cục thuế thì chối bỏ. Lý do theo cục thuế là tuy nghị định chính phủ đã ban những chưa có hướng dẫn của tổng cục. Bản thân Bộ KH&CN đã nhiều lần phải làm văn bản gửi

Tổng cục Thuế – Bộ Tài chính giải trình, nhưng để thuyết phục các cục thuế địa phương vẫn rất khó khăn. Một điển hình khác là những trục trặc không cần thiết trong việc cấp giấy phép đăng ký kinh doanh cho tổ chức khoa học công nghệ chuyển đổi sang tự chủ. Nghị định Chính phủ, thông tư liên tịch ba bộ cho phép nhưng các Sở Kế hoạch – Đầu tư nói rằng cần có hướng dẫn của Bộ Kế hoạch – Đầu tư. Phải đến khi có hướng dẫn riêng xuống đến từng cơ sở thì các tổ chức khoa học công nghệ chuyển đổi mới được cấp giấy phép đăng ký kinh doanh. Vương mặc kiểu này đối với các đơn vị quả thực thuộc dạng “không biết kêu ai”, theo lời Bộ Trưởng Nguyễn Quân là “cứ đến cấp cơ sở, cấp vụ, cấp chuyên viên lại vương mặc dù Bộ đã ủng hộ, thông tư nghị định rất rõ”.

GÓP Ý CHO TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CƠ CHẾ KHOÁN VÀ TỰ CHỦ

Phương thức khoán được kỳ vọng sẽ giúp tăng tính tự chủ trong việc thực hiện các nhiệm vụ khoa học, trong đó các chủ nhiệm đề tài được tự do hơn trong các hoạt động chi tiêu, miễn sao đạt được kết quả chất lượng đúng như cam kết khi được giao kinh phí. Đồng thời, phương thức khoán cũng được kỳ vọng sẽ giúp giảm tải những thủ tục hành chính trong chi nghiên cứu, tạo điều kiện cho cán bộ tập trung chuyên môn.

Để thúc đẩy triển khai cơ chế khoán và tự chủ, các ý kiến tại tọa đàm đều thống nhất trước hết phải tiến hành thí điểm, sau đó rút kinh nghiệm về nhân rộng mô hình. Về vấn đề này, Thứ trưởng Nguyễn Thị Xuân Thu cho biết hiện nay hai chương trình quan trọng nhất mà Bộ NN&PTNT đang triển khai là giống và công

nghệ sinh học. Những viện nào đang theo đuổi hai chương trình này nên được ưu tiên đưa vào thí điểm. Về tổ chức thí điểm cơ chế tự chủ, ông Lê Huy Ngọ – nguyên Bộ trưởng Bộ NN&PTNT thì cho rằng, nên chú trọng thí điểm tự chủ hoá những đơn vị hội tụ đủ các phẩm chất cần thiết, đó là ổn định, có năng lực và có sự thống nhất cao trong nội bộ về thực hiện cơ chế khoán.

Về phía các nhà khoa học, quan điểm chung là dù tiêu chí ra sao thì vẫn cần sớm mạnh dạn triển khai. TS Đặng Kim Sơn cho rằng, “Nếu Bộ NN&PTNT chưa



triển khai được trên 8 tổ chức thì thí điểm 3 tổ chức, thậm chí 1 tổ chức cũng được”. Mạnh mẽ hơn, PGS.TS Nguyễn Văn Hoan đặt vấn đề “liệu có thể thí điểm tổ chức (một viện ưu tú như Viện Nghiên cứu Ngô thành một mô hình tự chủ như Monsanto hay không?”

Tuy nhiên, để thực hiện cơ chế khoán thành công, Thứ trưởng Nguyễn Thị Xuân Thu nhấn mạnh tầm quan trọng của việc cần có định mức cụ thể cho sản phẩm cuối cùng và trung gian. Đối với các sản phẩm nghiên cứu mang tính trung gian không thể có đầu ra trực tiếp từ thị trường, bà cho rằng, tiêu chí bình xét chất lượng có thể dựa trên các bài báo

được công bố trên tạp chí chuyên ngành. Với những nghiên cứu nêu được công bố trên tạp chí quốc tế hoặc đã được các cơ sở áp dụng trong thực tế thì có thể không cần nghiệm thu. Ông Nguyễn Quốc Vọng cũng cho rằng, một trong những vấn đề đau đầu hiện nay là chất lượng các đề tài nghiên cứu chưa được bảo đảm. Để cải thiện cần chấn chỉnh lại công tác nghiệm thu và xử lý những công trình kém chất lượng.

Một vấn đề mang tính then chốt là cần bổ sung tiếng nói của nông dân và doanh nghiệp - những người trực tiếp hưởng lợi từ sản phẩm tham gia để quản lý chất lượng đầu vào - đầu ra, vào các quyết định giao đề tài và nghiệm thu sản phẩm ứng dụng khoa học công nghệ trong nông nghiệp. Theo kinh nghiệm của ông Nguyễn Quốc Vọng, nông dân và các doanh nghiệp ở Úc không chỉ có mặt trong hội đồng mà còn được tham gia vào mọi cuộc nghe báo cáo định kỳ của các nhóm nghiên cứu, nhờ vậy, mà công tác đánh giá chất lượng sản phẩm dù không phải qua bước nghiệm thu nhưng vẫn đạt hiệu quả cao, gần kết rất chặt chẽ với hoàn cảnh và nhu cầu thực tế. Phải làm như vậy, thì mục đích cuối cùng của cơ chế khoán là đảm bảo chất lượng đầu ra trong khi đơn giản hoá các khâu trung gian mới có thể đạt được.

Về cách thức tiến hành nội dung khoán, ông Trần Xuân Hoài đưa ra ý tưởng dùng phương thức thanh toán L/C để tạo cơ chế tự chủ cho cán bộ trong quá trình chỉ nghiên cứu. Theo đó, Nhà nước có thể đặt hàng sản phẩm, sau đó mở L/C trong đó, quy định rõ sau một số năm nhất định (thời điểm hoàn tất) sẽ thanh toán tiền. Cán bộ nghiên cứu có thể đến ngân hàng rút tiền và hoàn

MỘT SỐ KIẾN NGHỊ THÍ ĐIỂM

- Tách quỹ nghiên cứu khoa học, quỹ khuyến nông khỏi cơ quan quản lý nhà nước (Newzealan)
- Xây dựng các trung tâm nghiên cứu xuất sắc (Hàn Quốc) cho phép các thành phần kinh tế tham gia hoạt động KHCN được tiếp cận các quỹ trên (đa số quốc gia khác)
- Lập hội đồng có sự tham gia của người sử dụng kết quả KHCN để lập kế hoạch, đánh giá kết quả (Úc)
- Xây dựng hệ thống đánh giá kết quả hoạt động các cơ quan KHCN, xây dựng chính sách thưởng phạt theo kết quả đóng góp (Trung Quốc)
- Xây dựng chính sách ưu đãi thu hút đầu tư KHCN nông nghiệp hiệu quả và chất lượng (Nhật Bản)
- Quy hoạch lại, xây dựng các khu tập trung nghiên cứu - đào tạo KHCN ở các vùng chuyên canh nông nghiệp chính (Nhật Bản)

toàn tự quyết các khoản chi của mình. Cũng liên quan tới việc đơn giản hoá thủ tục hành chính, ông Hùng cho rằng, đối với những khoản chi không cần lấy hoá đơn, cán bộ chỉ cần kê khai đúng khoản chi, xin hoá đơn viết tay kèm theo xác nhận của chủ nhiệm đề tài để công nhận bộ chứng từ hợp lệ.

GIẢI PHÁP VỀ CON NGƯỜI

Lý giải thực trạng khoa học Việt Nam còn rất thiếu đội ngũ cán bộ nghiên cứu giỏi, ông Nguyễn Quốc Vọng cho rằng, nguyên nhân nằm ở chế độ thăng tiến. Những cán bộ khoa học có năng lực và thâm niên, sau một thời gian đa phần đều muốn chuyển sang quản lý, nhiều khả năng là để đảm bảo quyền lợi tốt hơn. Hiện nay, tỷ lệ 27% biên chế trong 8 cơ quan thực hiện thí điểm của Bộ NN&PTNT (trong khi đó, con số này ở nước ngoài trung bình là 70%) thì rất ít hy vọng đội ngũ cán bộ có được sự cam kết lâu dài với tổ chức. Do vậy, cần phải tạo ra một chế độ trong đó những người nghiên cứu có thể toàn tâm, toàn ý cống hiến cho công việc để đảm bảo chất lượng hoạt động khoa học.

Để giải quyết tình trạng này, ông cho rằng nên nghiên cứu mô

Khoán nhiệm vụ KHCN đến sản phẩm cuối cùng:

- Xác định rõ mức độ hoàn chỉnh cuối cùng, sẵn sàng áp dụng.
- Có chủ đầu tư, có đối tượng tiếp nhận ứng dụng
- Có cơ sở tính toán chi phí hoặc giá trị hiệu quả của sản phẩm.

Khoán chi sản phẩm KHCN không khoán đến sản phẩm cuối cùng

- Tính đủ lương, quản lý phí, giám sát, dịch vụ, dự phòng...
- Có hoá đơn với các mục chi không có mức
- Định mức kỹ thuật do các đơn vị xây dựng được duyệt
- Chi phí tiết kiệm, sản phẩm để lại cho tổ chức KHCN

hình của Úc với hai hệ thống lương cho cán bộ quản lý và nghiên cứu có chuỗi thang bậc riêng. Trong hệ thống này, những cán bộ nghiên cứu lâu năm và có thành tích sẽ được hưởng mức lương cao. Như vậy, vừa khuyến khích những chuyên gia giỏi và có kinh nghiệm tích cực tham gia nghiên cứu, lại vừa tạo điều kiện giữ chân những nghiên cứu viên giỏi

cho các viện, qua đó duy trì mối quan hệ bền vững giữa viện và nhà nghiên cứu, một yếu tố tích cực quan trọng đem lại thành công trong khoa học.

Ngoài ra, ông Vọng còn cho biết nghịch lý trong các viện của chúng ta hiện nay là quyền hạn của viện trưởng quá lớn dẫn tới tình trạng công kênh, kém hiệu quả trong cơ chế điều hành hoạt động. Viện trưởng chịu trách nhiệm quá nhiều vấn đề trong khi việc họp hành thường xuyên nên nhiều trường hợp không kịp giải quyết, hoặc đôi khi trì hoãn. Để chấm dứt sự trì trệ này, việc phân quyền san sẻ nhiệm vụ giữa các cấp lãnh đạo cần được xem xét và điều chỉnh kịp thời.

Liên quan đến việc gây dựng lực lượng hỗ trợ tài chính cho các nghiên cứu, ông Hoàng Văn Phong – nguyên Bộ trưởng Bộ KH - CN, nhấn mạnh cần sớm hình thành đội ngũ tài chính cho KHCN. Đội ngũ này cần có năng lực chuyên môn hiểu biết về đặc thù tài chính trong khoa học, từ đó, tư vấn và xây dựng chính sách phù hợp. Khi xảy ra những vướng mắc bất cập trong hoạt động tài chính khoa học thì những chuyên gia này là cầu nối giữa các nhà khoa học với người làm chính sách, với kinh nghiệm cần thiết để xem xét, đề xuất ý kiến tháo gỡ vấn đề.

Đối với những trì trệ do tính thụ động của cá nhân và tổ chức trong việc triển khai các đổi mới chính sách khoa học công nghệ, một nguyên nhân đáng kể là giữa các đơn vị hành chính, chính sách, đơn vị chấp hành và các đơn vị liên quan rõ ràng vẫn chưa có sự thông hiểu. Bộ trưởng Nguyễn Quân cho rằng, trước hết tự bản thân các đơn vị cần có sự chủ động, tích cực hơn nữa trong việc thực hiện các chính sách đã ban hành, sau đó, nếu có khó khăn bất cập thì có thể trình lên Thủ tướng để thực hiện thí điểm, làm tiền đề đổi mới. Về phía các ban ngành liên quan cũng cần cởi mở và linh hoạt trong việc tạo điều kiện hoạt động cho các tổ chức nghiên cứu bằng cách hạn chế tối đa các thủ tục hành chính phiền hà, rắc rối. ■



Chủ tịch Hội đồng Dân tộc K'so Phước cho rằng, Đảng và Nhà nước rất quan tâm tới vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống nên rất nhiều chính sách đã được ban hành. Tuy nhiên, nhiều quá cũng không hẳn là tốt mà có khi càng nhiều chính sách thì càng “cản đường” phát triển.

Ông có thể chia sẻ một vài cảm nhận sau khi giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về đất ở, đất sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số?

Kết quả làm việc của Đoàn giám sát của Ủy ban Thường vụ Quốc hội với các bộ ngành thực hiện chính sách, pháp luật về đất ở, đất sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số cho thấy một thực tế: Nhà nước ban hành nhiều chính sách, dành nguồn kinh phí thực hiện không nhỏ, nhưng số lượng hộ đồng bào dân tộc thiểu số thiếu đất ở, đất sản xuất vẫn còn khá lớn.

Một trong những nguyên nhân của tình trạng này là vì mỗi địa phương áp dụng một tiêu chuẩn khác nhau, chưa kể mỗi chính sách do một cơ quan thực hiện nên số liệu thống kê thiếu thống nhất. Cùng với đó, do không xác định được hộ dân như thế nào là không thiếu đất nên có tình trạng sau khi nhận đất được Nhà nước hỗ trợ đồng bào đã sang nhượng để nhận tiền và lại trở thành hộ thiếu đất, hộ không có đất.

Mặt khác, các chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số cũng có chung một đặc điểm: quy mô tác động lớn nhưng lộ trình thực hiện lại ngắn nên khó thực hiện. Ví dụ như Chương trình 132 về giải quyết đất ở, đất sản xuất tại chỗ cho đồng bào dân tộc Tây Nguyên được ban hành vào tháng 10/2002, yêu cầu phải hoàn thành vào năm 2003. Chương trình 134 về hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn được ban hành tháng 7/2004 yêu cầu phải hoàn thành trong năm 2006. Chương trình 304 về